TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Phạm Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lại Bá Q, sinh năm 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Số 15/15 đường C, tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1977

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 119/7 đường P, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Số 15/15 đường C, tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02-8-2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lại Bá Q trình bày:

Ông kết hôn với bà Lê Thị Mỹ L ngày 03 tháng 4 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại nhà bên vợ ở số nhà 119/7 đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đến tháng 10 năm 2021 vợ chồng ông thuê nhà ở riêng tại số 15/15 đường C, tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, nguyên nhân chính là do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hoàn toàn khác biệt về suy nghĩ, quan điểm trong cuộc sống, trước đây bà L không chịu đi làm kiếm tiền chăm lo cho gia đình mà chỉ lo cờ bạc, bà L nhiều lần xúc phạm đến cha mẹ đẻ của ông, có thái độ không tôn trọng ông. Mặt khác nay bản thân ông Q muốn trở về quê tại Thanh Hóa để ổn định cuộc sống nhưng bà L không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hai bên gần như không có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, thời gian ly thân đã lâu nên yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lại Lê Bá H, sinh ngày 16/02/2014. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2023 đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ông làm nghề chạy xe dịch vụ cứu thương nên thu nhập ổn định, trung bình mỗi tháng trên 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống như ông Q trình bày là đúng. Tuy nhiên thời gian và nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn ông Q trình bày không đúng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà do ông Q thường xuyên ăn nhậu, đi sớm về khuya, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng đôi khi chỉ cãi vả qua lại, tranh luận về quan điểm sống chứ không có gì trầm trọng, bà không xúc phạm gia đình chồng như ông Q

khai. Bà không đồng ý ly hôn với ông Q vì muốn gia đình đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc cho con cái, không muốn gia đình tan vỡ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lại Lê Bá H, sinh ngày 16/02/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lại Bá Q được ly hôn bà Lê Thị Mỹ L.

+ Về con chung: Giao cháu Lại Lê Bá H cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để bảo đảm sự phát triển bình thường và ổn định của hai cháu. Ông Lại Bá Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Ông Lại Bá Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lại Bá Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L có nơi cư trú tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lại Bá Q và bà Lê Thị Mỹ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 03 tháng 4 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Q, bà L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lại Bá Q:

Theo ông Lại Bá Q trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hoàn toàn khác biệt về suy nghĩ, quan điểm trong cuộc sống, trước đây bà L không chịu đi làm kiếm tiền chăm lo cho gia đình mà chỉ lo cờ bạc, bà L nhiều lần xúc phạm đến gia đình ông, không muốn về quê ông ở Thanh Hóa để sinh sống nên mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được; tuy hiện tại vợ chồng vẫn sống chung tại căn nhà thuê nhưng phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Bà L cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn, sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nhưng vì con chung nên bà không đồng ý ly hôn. Tuy ông Q và bà L trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng hiện tại phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, tuy bà L không đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

[2.2] Về con chung: Ông Lại Bá Q và bà Lê Thị Mỹ L có con chung tên Lại Lê Bá H, sinh ngày 16/02/2014. Tại phiên tòa ông Q đồng ý giao cháu H cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H trong trường hợp Tòa giải quyết cho bà và ông Q ly hôn, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu H có nguyện vọng ở với bà L nên giao cháu H cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; tuy bà L không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con nhưng để bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho sự phát triển của cháu H, vì lợi ích của cháu nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Q về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Lại Bá Q và bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Lại Bá Q và bà Lê Thị Mỹ L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Ông Lại Bá Q phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lại Bá Q. Ông Lại Bá Q được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lại Lê Bá H, sinh ngày 16/02/2014 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Lại Bá Q cấp dưỡng nuôi con Lại Lê Bá H, sinh ngày 16/02/2014 mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Ông Lại Bá Q và bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5 Về nợ chung: Ông Lại Bá Q và bà Lê Thị Mỹ L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Ông Lại Bá Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số: 0003738 ngày 10-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Lại Bá Q còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- UBND phường Nguyễn Nghiêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Nam